

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 08-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Q

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Vi Thị N;

+ Bà Hà Thị Thu H;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Ngọc H, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Ma Công Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

Giàng A C (tên gọi khác: không), sinh ngày: 19/10/1989 tại xã B, huyện L, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện L, T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; đảng, đoàn thể: Không;

Con ông Giàng A C và bà Giàng Thị D; vợ, con: vợ là Giàng Thị M, sinh năm 1992, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; anh, chi, em ruột: Có 08 người, bị cáo là thứ tư; (có mặt);

- Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2021 đến ngày 30/01/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Cháng A B (tên gọi khác: không), sinh ngày: 07/8/1991 tại xã K, huyện L, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm ruộng; đảng, đoàn thể: Không;

Con ông Cháng A D và bà Cháng Thị S; vợ, con: vợ là Giàng Thị A, sinh năm 1991, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; anh, chi, em ruột: Có 08 người, bị cáo là thứ sáu; (có mặt);

Người bào chữa của các bị cáo: Bà Lại Khoa L Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt);

Người bị hại: Ông Lý Văn Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh T (có mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Cháng A D, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh T (có mặt);

Người làm chứng: Giàng Thị A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh T (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 10 giờ ngày 23/01/2021, Giàng A C, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã B, huyện L gọi điện cho Cháng A B, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã K, huyện L rủ B đến khu vực hồ thủy điện T để trộm cắp dê, B đồng ý. Trước khi đi, C chuẩn bị 01 đèn pin; 01 lồng sắt dài 67cm, rộng 47 cm, đáy lồng được lót 01 tấm tôn bằng kim loại màu xanh, C để lồng sắt vào bảo tải dừa màu trắng và dùng dây cao su buộc lồng sắt lên trên xe mô tô biển số 22B1- 651.71 của C. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô của mình đến nhà B, C bỏ lồng sắt tại nhà B và chở B đến bến đò Bản P thuộc xã K, huyện L, trước khi đi B mang theo 01 đèn pin. Khi đến bến đò B điều khiển chiếc thuyền sắt ký hiệu LB-19, thuyền có gắn máy nổ nhãn hiệu Honda GX270 của ông Cháng A D, sinh năm 1954, trú tại thôn N, xã K, huyện L (ông D là bố đẻ B), đang neo sấn tại bến đò Bản P cùng C đi ra lòng hồ thủy điện T. Trên đường đi, C thấy một vó đèn của người dân đã bị hỏng trên hồ nên dùng dao có sẵn trên thuyền cắt 03 đoạn dây dừa với mục đích để buộc dê khi trộm cắp được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C và B đến khu vực rừng phòng hộ H thuộc xã TL, huyện L phát hiện một đàn dê gồm 05 con của gia đình anh Lý Văn Q trú tại thôn P, xã T, huyện L đang uống nước tại bờ hồ. Quan sát thấy không có người trông coi. B neo thuyền vào bờ hồ gần vị trí đàn dê, chờ đến tối để trộm cắp. Khoảng 20 giờ cùng ngày, C và B quan sát thấy không có người nên điều khiển thuyền đến sát vị trí đàn dê, B cầm dây chạc lên bờ buộc vào sừng 01 con dê cái, màu lông đen, trắng, xám kéo xuống thuyền, lúc này có 01 con dê con (dê đực)

màu lông đen, trắng, xám đi theo sau; C cùng B đuổi con dê con lên thuyền và thay nhau lái thuyền chở 02 con dê đã trộm cắp được về bến Bản P. Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 24/01/2021, C gọi điện cho Giàng Thị A, sinh năm 1991 (là vợ của B) trú tại thôn N, xã K, huyện L bảo chị A: “lấy xe ra đón người và lấy lồng để anh đựng dê”. Chị A điều khiển xe mô tô, chở lồng sắt ra đến bến Bản P, C và B cùng nhau bắt 02 con dê vừa trộm cắp được vào lồng sắt, buộc lên xe của C. B và chị A đi xe mô tô về trước, C điều khiển xe mô tô biển số 22B1-651.71 chở 02 con dê trộm cắp được đi sau, khi đến thôn Nà V, xã K, huyện L thì bị Tổ tuần tra Công an huyện L phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp C và B không nói cho chị A biết 02 con dê là do trộm cắp mà có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL - ĐGTS ngày 28/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: Trị giá 02 con dê của anh Q mà C và B trộm cắp có trọng lượng 27 kg, có giá trị là 3.780.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm, tám mươi nghìn đồng*).

* Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ: 01 con dê cái, có trọng lượng 23kg; 01 con dê đực, có trọng lượng 04kg; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 073509; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Jupiter, biển số 22B1-651.71; 02 dây cao su màu đen; 03 dây chạc; 01 lồng sắt; 01 bao tải dừa màu trắng; 01 tấm tôn kim loại màu xanh (được lót trong lồng sắt); 02 đèn pin; 02 điện thoại di động; 01 thuyền kim loại, dài 6,20m, rộng 1,26m; 01 máy đẩy, nhãn hiệu Honda GX270 có gắn cần lái và chân vịt 02 cánh; 01 con dao dài 36cm, chuôi bằng gỗ dài 11cm.

Ngày 18/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại 01 con dê cái, có trọng lượng 23kg; 01 con dê đực, có trọng lượng 04kg cho chủ sở hữu là anh Lý Văn Q.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ngày 07/02/2021 các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Lý Văn Q là 1.000.000 đồng, ông Q không đề nghị bồi thường gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Giàng A C và Cháng A B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 04/CT-VKSLB ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T truy tố các bị cáo để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T đề nghị giữ nguyên nội dung cáo trạng số 04/CT-VKSLB ngày 05/3/2021 và đề nghị hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Giàng A C 7 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 14 đến 20 tháng; xử phạt bị cáo Cháng A B 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 đèn pin, 02 điện thoại di động, 01 dao gổ, 03 dây chạc, 02 dây cao su màu đen; 01 bao tải dừa màu trắng, 01 tấm tôn kim loại, 01 lồng sắt. Trả lại cho ông Cháng A D 01 thuyền sắt kèm máy đẩy; trả lại cho Giàng A C 01 xe máy cùng đăng ký xe;

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng;

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Người bào chữa của các bị cáo đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Giàng A C, Cháng A B nhất trí theo nội dung cáo trạng, không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên, người bào chữa tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận khoảng 20 giờ ngày 23/01/2021, tại khu vực rừng phòng hộ H thuộc xã TL, huyện L, tỉnh T; Giàng A C trú tại thôn C, xã B, huyện L và Cháng A B trú tại thôn N, xã K, huyện L đã có hành vi trộm cắp 02 con dê có tổng trọng lượng 27 kg của gia đình anh Lý Văn Q trú tại thôn P, xã T, huyện L. Trị giá 02 con dê do C và B trộm cắp có giá trị là 3.780.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm, tám mươi nghìn đồng*).

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật nhà nước; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo có Giàng A C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *“người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, “là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn”* theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Cháng A B nhân thân năm 2018, bị Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 350.000 đồng về hành vi đánh bạc, theo Quyết định số 29/QĐ-XPVPHC ngày 10/7/2018 đã chấp hành xong.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt mức án nghiêm khắc đối với bị cáo nhưng không cần thiết xử phạt tù giam cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn địa phương.

[4] Xét nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận. Về nội dung của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn, không cần thiết, nên không áp dụng phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Lý Văn Q là 1.000.000 đồng, tại phiên tòa ông Q không đề nghị bồi thường gì thêm. Cần ghi nhận việc tự nguyện bồi thường dân sự của bị cáo với bị hại.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 thuyền sắt và đầu máy cùng 01 dao gỗ là tài sản của ông Cháng A D cần trả lại; đối với chiếc xe máy Jupiter, Biển kiểm soát 22B1.651.71 là tài sản của chung gia đình bị cáo C, là phương tiện duy nhất để sử dụng trong cuộc sống hàng ngày cần trả lại cho bị cáo; đối với 02 dây cao su màu đen, 02 dây chạc; 01 lồng sắt; 01 bao tải dừa màu trắng; 01 tấm tôn kim loại; 02 đèn pin; không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng A C, Cháng A B phạm tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Giàng A C 07 tháng tù cho hưởng án treo, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/01/2021 đến ngày 30/01/2021, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng + 23 ngày; thử thách 14 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/4/2021.

Xử phạt bị cáo Cháng A B 06 tháng tù cho hưởng án treo, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/01/2021 đến 30/01/2021, bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng + 23 ngày; thử thách 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/4/2021.

Giao bị cáo Giàng A C cho ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh T; giao bị cáo Cháng A B cho ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh T quản lý, giám sát, giáo dục, theo dõi thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo Giàng A C, Cháng A B đã bồi thường xong cho bị hại ông Lý Văn Q số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 dây đèn pin, 02 điện thoại di động, 01 dao gổ, 03 dây chạc, 02 dây cao su màu đen; 01 bao tải dừa màu trắng, 01 tấm tôn kim loại, 01 lồng sắt của Giàng A C.

+ Trả lại cho Giàng A C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter biển số 22B1-651.71; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 073509;

+ Trả lại ông Cháng A D 01 thuyền kim loại, dài 6,20m, rộng 1,26m; 01 máy đẩy nhãn hiệu Honda GX270 có gắn cần lái và chân vịt 02 cánh;

(Tình trạng vật chứng thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 bị cáo Giàng A C, Cháng A B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/4/2021.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B, xã K;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Q